

**VIETNAM'S FINAL MARKET ACCESS OFFER ON
GOVERNMENT PROCUREMENT**

SECTION A:

Central Level of Government Entities

This Chapter applies to the entities of the central level of government listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Goods and Services

- From the date of entry into force of this Agreement for Vietnam to the end of the 5th year after entry into force: SDR 2,000,000
- From the 6th year to the end of 10th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 1,500,000
- From the 11th year to the end of 15th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 1,000,000
- From the 16th year to the end of 20th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 260,000
- From the 21st year to the end of 25th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 190,000
- From the 26th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 130,000

Construction

- From the date of entry into force of this Agreement for Vietnam to the end of the 5th year after entry into force: SDR 65,200,000
- From the 6th year to the end of 10th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 32,600,000
- From the 11th year to the end of 15th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 16,300,000
- From the 16th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 8,500,000

List of Entities:

1. Bộ Tư pháp (Ministry of Justice)

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính (Department of Criminal and Administrative Legislation)

Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế (Department of Economic-Civil Legislation)

Vụ Pháp luật quốc tế (Department of International Law)

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (Department of Legal Dissemination and Education)

Cục Hỗ trợ tư pháp (Agency of Judicial Support)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)

Vụ Thi đua – Khen thưởng (Department of Emulation and Commendation)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật (Department of General Affairs on Legislative Development)
Cục Trợ giúp pháp lý (Agency of National Legal Aid)
Cục Con nuôi (Agency of Child Adoption)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)
Tổng cục Thi hành án dân sự (Directorate of Civil Judgement Enforcement)
Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Agency of Examination of Legal Normative Documents)
Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (Agency of National Registry of Secured Transactions)
Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục bồi thường nhà nước (Agency of National Compensation)
Cục Công tác phía Nam (The South Agency)
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Agency of Administrative Procedure Control)
Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (Agency of Civil Status, Nationality and Authentication)

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Ministry of Planning and Investment)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Vụ Hợp tác xã (Department of Cooperatives)
Vụ Tài chính tiền tệ (Department of Finance and Monetary)
Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân (Department of National Economic Issues)
Cục Quản lý đấu thầu (Public Procurement Agency)
Vụ Kinh tế công nghiệp (Department of Industrial Economy)
Vụ Kinh tế nông nghiệp (Department of Agricultural Economy)
Vụ Kinh tế dịch vụ (Department of Service Economy)
Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị (Department of Infrastructure and Urban Centers)
Vụ Quản lý các khu kinh tế (Department of Economic Zones Management)
Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (Department of Investment Supervision & Appraisal)
Vụ Quản lý quy hoạch (Department of Planning Management)
Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ (Department of Local and Territorial Economy)
Vụ Kinh tế đối ngoại (Department of Foreign Economic Relations)
Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội (Department of Labor, Culture and Social Affairs)
Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường (Department of Science, Education, Natural Resources and Environment)
Cục Phát triển doanh nghiệp (Enterprise Development Agency)

Cục Đầu tư nước ngoài (Foreign Investment Agency)
Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Business Registration Management Agency)
Văn phòng Bộ, kể cả các VPĐD ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh and Da Nang city)
Vụ Quốc phòng – An ninh (National Defense - Security Department)
Tổng cục Thống kê (General Statistics Office)

3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legal Affairs)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Bảo hiểm xã hội (Department of Social Insurance)
Vụ Bình đẳng giới (Department of Gender Equality)
Vụ Lao động – Tiền lương (Department of Labour-Salary)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Cục Quản lý lao động ngoài nước (Agency of Overseas Labour)
Cục An toàn lao động (Agency of Occupational Safety and Health)
Cục Việc làm (Agency of Employment)
Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Agency of Children Protection and Care)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning – Finance)
Cục Người có công (Agency of the People with Special Contributions to the Country)
Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội (Agency of Social Evil Prevention)
Cục Bảo trợ xã hội (Agency of Social Protection)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Tổng Cục dạy nghề (Directorate of Vocational Training)

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Ministry of Culture, Sports and Tourism)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Department of Science, Technology and Environment)
Cục Hợp tác quốc tế (Agency of International Cooperation)
Cục Di sản văn hóa (Agency of Cultural Heritage)
Vụ Đào tạo (Department of Training Management)
Tổng cục Du lịch (Directorate of Vietnam National Administration of Tourism)
Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (Agency of Art, Photography and Exhibition)
Vụ Gia đình (Department of Family)
Vụ Văn hóa dân tộc (Department of Ethnic Culture)
Vụ Thư viện (Department of Library)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng Bộ kể cả VPĐD ở Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city)

Cục Công tác phía Nam (South Agency)
Cục Nghệ thuật biểu diễn (Agency of Performing Arts)
Cục Điện ảnh (Cinema Agency)
Cục Bản quyền tác giả (Agency of Copyright)
Cục Văn hóa cơ sở (Agency of Grassroots Culture)
Tổng cục Thể dục thể thao (Directorate of Physical Training and Sports)
Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam (The Management Unit of the Culture and Tourism Village of Vietnamese ethnics)

5. Bộ Khoa học và Công nghệ (Ministry of Science and Technology)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên (Department of Social and Natural Sciences)
Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật (Department of Science and Technology for Economic Technical Branches)
Vụ Công nghệ cao (Department of High Technology)
Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ (Department of Technology Appraisal, Examination and Assessment)
Vụ Kế hoạch – Tổng hợp (Department of Planning and General Affairs)
Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ (Technology Application and Development Agency)
Cục Sở hữu trí tuệ (Agency of National Office of Intellectual Property of Vietnam)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Công tác phía Nam (The South Agency)
Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng (Directorate of Standards and Quality)
Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước (Office of State-Level Key Programs)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Thi đua - Khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương (Department of Local Science and Technology Development)
Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development)
Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia (National Agency for Scientific and Technological Information)
Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân (Vietnam Agency for Radiation and Nuclear Safety and Control)
Cục Năng lượng nguyên tử (Vietnam Atomic Energy Commission)
Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc (The Management Board of Hoa Lac Hi-Tech Park)

6. Bộ Tài chính (Ministry of Finance)

Cục Quản lý giá (Agency of Price Control)
Cục Tài chính Doanh nghiệp (Agency of Corporate Finance)

Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại (Agency of Debt Management and External Finance)
Cục Quản lý Công sản (Agency of Public Asset Management)
Vụ Ngân sách nhà nước (Department of State Budget)
Vụ Đầu tư (Department of Investment)
Vụ I (Vụ Tài chính, Quốc phòng, An ninh đặc biệt) (Department of Finance for National Defense and Security)
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp (Department of Public Expenditure)
Vụ Chính sách thuế (Department of Tax Policy)
Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính (Department of Banking and Financial Institutions)
Vụ chế độ kế toán và kiểm toán (Department of Accounting and Auditing Regulations)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Training)
Vụ Thi đua - Khen thưởng (Department of Emulation and Commendation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm (Insurance Supervisory Agency)
Cục Kế hoạch tài chính (Agency of Planning and Finance)
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (State Securities Commission)
Tổng cục dự trữ nhà nước (General Department of State Reserves)
Kho bạc Nhà nước (State Treasury)
Tổng cục Hải quan (General Department of Customs)
Tổng cục Thuế (General Department of Taxation)
Cục Tin học và Thống kê tài chính (Agency of Financial Informatics and Statistics)

7. Bộ Xây dựng (Ministry of Construction)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Department of Science, Technology and Environment)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Quy hoạch – kiến trúc (Department of Architecture and Construction Planning)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Kinh tế xây dựng (Department of Construction Economics)
Cục Phát triển đô thị (Urban Development Agency)
Vụ Vật liệu xây dựng (Department of Building Materials)
Vụ Kế hoạch tài chính (Department of Planning and Finance)
Cục Quản lý hoạt động xây dựng (Agency of Construction Activity Management)
Cục Hạ tầng kỹ thuật (Agency of Technical – Infrastructure)
Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (State Agency of Construction Quality Inspection)
Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản (Management Agency for Housing and Real-estate Market)

Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục công tác phía Nam (The South Agency)
Vụ Quản lý doanh nghiệp (Enterprises Management Department)

8. Bộ Thông tin và Truyền thông (Ministry of Information and Communications)

Vụ Bưu chính (Department of Posts)
Vụ Công nghệ thông tin (Department of Information Technology)
Vụ Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Offices in DaNang city)
Cục Tần số vô tuyến điện (Agency of Radio Frequency Management)
Cục Viễn thông (Agency of Telecommunications)
Cục Tin học hóa (Agency of Computerization)
Cục Báo chí (Agency of Press)
Cục Xuất bản, In và Phát hành (Agency of Publication, Print and release)
Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Agency of Broadcasting and Electronic Information)
Cục Công tác phía Nam (The South Agency)
Cục Thông tin đối ngoại (Agency of Foreign Information Service)
Vụ Quản lý doanh nghiệp (Enterprises Management Department)
Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Vụ Thông tin cơ sở (Department of Fundamental Information)
Cục bưu điện Trung ương (Central Post Agency)
Cục An toàn thông tin (Agency of Information Security)

9. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (Vietnam Social Security)

Ban Đầu tư quỹ (Department of fund investment and management)
Văn phòng, bao gồm VPDD tại TP. Hồ Chí Minh (Administration Office, including Representative Office in HoChiMinh city)
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội (Department of Implementation of Social Security Policies)
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế (Department of Implementation of Health Insurance Policies)
Ban Sổ, Thẻ (Department of Issuance of Books and Cards)
Ban Tuyên truyền (Department of Propaganda)
Ban Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Ban Thi đua – Khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Ban Pháp chế (Department of Legislation)
Ban Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Ban Thu (Department of Money Collection)
Ban Tài chính – Kế toán (Department of Finance and Accounting)

Ban Kế hoạch và Đầu tư (Department of Planning and Investment)
Ban Dược và Vật tư y tế (Department of Pharmaceuticals)
Ban Kiểm tra (Department of Inspection)
Ban Kiểm toán nội bộ (Department of Internal Audit)

10. Thanh tra Chính phủ (Government Inspectorate)

Vụ Tổ chức Cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Hợp tác Quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I) (Department of sector-based Economic Inspection (Dep.I))
Vụ thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II) (Department of Internal Affairs and General Economic Inspection (Dep.II))
Vụ thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III) (Department of Socio-Cultural Inspection (Dep.III))
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I) (Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 1 (Agency I))
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II) (Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 2 (Agency II))
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III) (Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 3 (Agency III))
Cục chống tham nhũng (Cục IV) (Anti-corruption Agency (Agency IV))
Văn phòng, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)
Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư (Department of Citizen Reception and Complaint and Denunciation Handling)
Vụ giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra (Department of Post-Inspection Supervision, Evaluation and Handling)
Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp (Department of Planning, Finance and General Affairs)

11. Bộ Công Thương (Ministry of Industry and Trade)

Vụ Kế hoạch (Planning Department)
Vụ Tổ chức cán bộ (Organization and Personnel Department)
Vụ Pháp chế (Legal Affairs Department)
Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department)
Vụ Công nghiệp nặng (Heavy Industry Department)
Tổng cục năng lượng (Directorate of Energy)
Vụ Công nghiệp nhẹ (Light Industry Department)
Cục Xuất nhập khẩu (Export-Import Department)
Vụ Thị trường trong nước (Domestic Market Department)
Vụ Thương mại biên giới và miền núi (Mountainous and Frontier Trade Department)
Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương (Asia-Pacific Market Department (Zone I Department))

Vụ Thị trường châu Âu (Europe Market Department (Zone II Department))
Vụ Thị trường châu Mỹ (America Market Department (Zone III Department))
Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á (Africa, Western and South Asia Markets Department (Zone IV Department))
Vụ Chính sách thương mại đa biên (Multilateral Trade Policy Department)
Vụ Thi đua - Khen thưởng (Remuneration and Rewards Department)
Vụ Tài chính (Finance Department)
Cục Công tác phía nam (The South Agency)
Cục Điều tiết điện lực (Electricity Regulatory Agency)
Cục Quản lý cạnh tranh (Competition Agency)
Cục Quản lý thị trường (Market Surveillance Agency)
Cục Xúc tiến thương mại (Trade Promotion Agency)
Cục Công nghiệp địa phương (Agency for Industrial Promotion)
Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Industrial Safety Techniques and Environment Agency)
Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Vietnam E-Commerce and Information Technology Agency)
Cục Hóa chất (Chemicals Agency)
Vụ Phát triển nguồn nhân lực (Human Resource Development Department)
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city)

12. Bộ Y tế (Ministry of Health)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Cục Quản lý dược (Drug Administration of Vietnam)
Vụ Bảo hiểm y tế (Department of Health Insurance)
Vụ Sức khỏe Bà mẹ – Trẻ em (Department of Children - Mother Health)
Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (Agency of Administration of Traditional Medicine)
Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế (Department of Health Equipment and Works)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry' Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city)
Cục Y tế dự phòng (Agency of Preventive Medicine)
Cục Phòng, chống HIV/AIDS (HIV/AIDS Prevention Agency)
Cục Quản lý khám, chữa bệnh (Agency of Health Examination and Treatment)
Cục An toàn thực phẩm (Agency of Food Safety)
Tổng cục Dân số – Kế hoạch hóa gia đình (Directorate of Population Family Planning)
Vụ truyền thông và Thi đua-Khen thưởng (Department of communication and Emulation)
Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)

Cục Quản lý môi trường Y tế (Agency of Administration of Environmental Health)
Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo (Agency of Science, Technology and Training)

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ministry of Natural Resources and Environment)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền (Department of Emulation, Commendation and Propaganda)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Kế hoạch (Department of Planning)
Vụ Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)
Tổng cục Quản lý đất đai (Directorate of Land Administration)
Cục Quản lý tài nguyên nước (Agency of Water Resources Management)
Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (Agency of Meteorology, Hydrography and Climate Changes)
Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (Agency of Survey and Mapping)
Văn phòng Bộ, bao gồm cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city)
Tổng cục Môi trường (Directorate of Environment)
Tổng cục Địa chất và Khoáng sản (Directorate of Geology and Minerals of Vietnam)
Cục Công nghệ và Thông tin (Agency of Technology and Information)
Cục Viễn thám quốc gia (Agency of National Remote Sensing)
Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (General Department of the Sea and Offshore Islands)

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ministry of Training and Education)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organisation)
Vụ Giáo dục Mầm non (Department of Pre-school Education)
Vụ Giáo dục Tiểu học (Department of Primary Education)
Vụ Giáo dục Trung học (Department of Secondary Education)
Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp (Department of Professional Education)
Vụ Giáo dục Đại học (Department of Higher Education)
Vụ Giáo dục Dân tộc (Department of Ethnic Minorities Education)
Vụ Giáo dục Thường xuyên (Department of Continuing Education)
Vụ Công tác học sinh, sinh viên (Department of Student Affairs)
Vụ Giáo dục Quốc phòng (Department of National Defense)
Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (Department of Science, Technology and Environment)

Vụ Hợp tác Quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Agency of Testing and Education Administrators)
Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (Agency of Teachers and Education Administrators)
Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)
Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em (Agency of Education Facilities and Children' Toys)
Cục Đào tạo với nước ngoài (International Education Agency)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh (Representative Office in HoChiMinh city)

15. Bộ Nội vụ (Ministry of Home Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Tổ chức - Biên chế (The Organization and Personnel Administration)
Vụ Tiền lương (The Salary Department)
Vụ Công chức - Viên chức (The Department of State Employees and Servants)
Vụ Chính quyền địa phương (The Local Administration Department)
Vụ Hợp tác quốc tế (The International Cooperation Department)
Vụ Tổ chức phi chính phủ (The Department of Non-Government Organization)
Vụ Cải cách hành chính (The Administrative Reform Department)
Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức (The Department of Training and Fostering of State Officials)
Vụ Pháp chế (The Department of Legislation)
Vụ Tổng hợp (The General Department)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in Da nang and Ho Chi Minh city)
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (State Records Management and Archives Agency)
Ban Tôn giáo Chính phủ (Government Committee for Religious Affairs)
Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Central Committee of Emulation and Commendation)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning – Finance)
Vụ Công tác thanh niên (Department of Youth affairs)

16. Bộ Ngoại giao (Ministry of Foreign Affairs)

Vụ ASEAN (ASEAN Department)
Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương (South East Asia-South Asia-South Pacific Department)
Vụ Đông Bắc Á (North East Asia Department)
Vụ Châu Âu (Europe Department)

Vụ Châu Mỹ (America Department)
Vụ Tây Á - Châu Phi (West Asia - Africa Department)
Vụ Chính sách Đối ngoại (Policy planning Department)
Vụ các Tổ chức Quốc tế (International Organizations Department)
Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế (Law and International Treaty Department)
Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương (Department of Multilateral Economic Cooperation)
Vụ Tổng hợp Kinh tế (Economic Department)
Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO (External Culture and UNESCO Department)
Vụ Thông tin Báo chí (Press and Information Department)
Vụ Tổ chức Cán bộ (Personnel and Organization Department)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Lãnh sự (Consular Agency)
Cục Lễ tân Nhà nước (State Protocol Agency)
Cục Quản trị Tài vụ (Administrative and Financial Agency)
Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (State Commission on Overseas Vietnamese)
Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh (Hochiminh City's Department of External Relations)
Cục Ngoại vụ (Agency of Foreign Affairs)
Vụ Thi đua – khen thưởng và Truyền thống ngoại giao (Department of Emulation, Rewards and Diplomatic Tradition)

17. Ủy ban Dân tộc (Committee on Ethnic Minority Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra (Inspectorate)
Vụ Chính sách dân tộc (Department of Policies on Ethnic Minority)
Vụ Địa phương I (Department of Locality No.I)
Vụ Địa phương II (Department of Locality No.II)
Vụ Địa phương III (Department of Locality No.III)
Vụ Tuyên truyền (Department of Propaganda)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Tổng hợp (Department of General Affairs)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng (Ministry Office)
Vụ dân tộc thiểu số (Department of Ethnic Minorities)

18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ministry of Agriculture and Rural Development)

Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Department of Sciences, Technology and Environment)
Vụ Kế hoạch (Department of Planning)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Cục Chăn nuôi (Agency of Livestock)
Cục Trồng trọt (Agency of Crop Production)
Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối (Agency of Processing for Agro-forestry- Fisheries Products and Salt Production)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Bảo vệ thực vật (Agency of Plant Protection)
Tổng cục Thủy lợi (Water Resources Directorate)
Tổng cục Lâm nghiệp (Directorate of Forest)
Tổng cục Thủy sản (Directorate of Fisheries)
Cục Thú y (Agency of Animal Health)
Cục Quản lý xây dựng công trình (Agency of Construction Management)
Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Agency of Cooperatives and Rural Development)
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Agency)
Vụ Quản lý doanh nghiệp (Department of Enterprise Management)

19. Bộ Giao thông vận tải (Ministry of Transportation)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Vận tải (Department of Transportation)
Vụ Môi trường (Department of Environment)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ An toàn giao thông (Department of Traffic Safety)
Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (Department of Transport Infrastructure)
Vụ Khoa học - Công nghệ (Department of Science and Technology)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Kế hoạch - Đầu tư (Department of Planning and Investment)
Vụ quản lý doanh nghiệp (Department of Enterprises Management)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông (Transport Engineering Construction and Quality Management Agency)
Cục Đăng kiểm Việt Nam (Vietnam Register Agency)
Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (Vietnam Inland Waterways Agency)

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

Cục Hàng hải Việt Nam (Vietnam Maritime Agency)

Cục Đường sắt Việt Nam (Vietnam Railway Agency)

Cục Hàng không Việt Nam (Civil Aviation)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Directorate for Roads of Vietnam)

Cục Y tế Giao thông vận tải (Transport Health Service Administration)

20. Bộ Công an (Ministry of Public Security)

Tổng cục cảnh sát (General Police Department)

Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Police bureau of Fire prevention, Fighting and Rescue)

Cục Y tế - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật (Department of Health under General department of Technology and Logistics)

21. Bộ Quốc phòng (Ministry of National Defense)

Cục Kinh tế (Department of Economics)

Cục Cứu hộ - Cứu nạn (Rescue Department)

Notes to Section A:

1. This Chapter shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate to the relevant ministries which are listed in this Section and their administrative subordinate agencies at central level.
2. Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs: This Chapter shall not apply to any procurement of goods and services involving martyrs' cemetery.
3. Vietnam Social Security: For greater certainty, this Chapter shall not cover any procurement of investment management, investment advisory, or master custody and safekeeping services for the purposes of managing and investing the assets of superannuation funds of Vietnam Social Security.
4. Ministry of Transport: This Chapter shall not apply to procurement of construction service of Ministry of Transport.
5. Ministry of National Defense
 - a) *This Chapter covers only the goods described as follows:*
 - Tyres used on light trucks (Maximum payload capacity from 410 kg to 3050 kg, external diameter from 475 mm to 972 mm), on specialty motor cars (Maximum payload capacity from 2937 kg to 61500 kg, external diameter from 1220 mm to 3045 mm), on heavy trucks (Maximum payload capacity from 4770 kg to 5525 kg, external diameter from 1020 mm to 1230 mm)
 - Inner tubes used on motor cars (Sectional diameter from 104 mm to 236 mm, inside diameter from 305 mm to 605 mm), on bicycles (as stipulated in TC 03-2002/CA), on motorcycles (as stipulated in TCVN 5721-1, JIS6367, DOT, SN1)
 - Leather products used on motor cars
 - Elastic belts of all kinds (80 mm wide and 500 m long)
 - Cast-iron pipes and accessories (Gray cast iron, ductile cast iron: Common kinds with diameter from 100-800mm suitable to ISO 2531:1998 national standard)
 - Antenna pillars (Stay cables of a triangle cross-section of 330 with a height of 21-45 m;

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

- stay cables of a triangle cross-section of 660 with a height of 36-66 m; stay cables of a triangle cross-section of 800 with a height of 60-100 m; stay cables of a circle cross-section with a height of 15 m; mobile cable ties - of a height of 10 m) and all kinds of metallic scaffolds, support pillars and shuttering (Of common kind)
- Spiral screws
 - Chimneys
 - Equipment for production of baked bricks of all kinds (Of an output of up to 20 million bricks/year)
 - Equipment for production of pure ice (Parameters of big machines: ice cube size of 48 x 80 mm, an output of 9-10 tons/24h, 400 kg/batch, power consumption level of 0.085 kwh/kg of ice, the compressor's output of 50 HP)
 - Sterilizing autoclaves (Of types of 20, 52 and 75 litres)
 - Industrial water filters (Of an output of 6 tons/h, electric capacity of 25 kw)
 - Winches, operated by electric motor (Of a lifting capacity of up to 50 tons)
 - Dot matrix printers
 - Washing machines of all kinds (Including kinds with automatic dryers)
 - Cash registers
 - Showers (Used for baffle separator in kitchen: Q030JGEV, Q030JGV, Q030JGEVQ01)
 - Tube plate acid lead battery (Special-used for forklift trucks operated by electricity: capacity of between 2V-100 Ah and 2V-1000 Ah; Special-used for trams in golf yards, railway stations, ports; capacity of 6V-225Ah, 8V-195Ah; 12V-130Ah)
 - Headlights for car, Headlights for 1- ton – capacity - under – truck, Wipers for automobile,
 - Horn for automobile
 - Post office boxes
 - Webcam
 - Two-wheels bicycles and other pedal-powered cycles (Including three-wheel cargo pedicabs)
 - Exhaust pipes of motorcycles, Grip handle at back of motorcycles, Before and back dampings for motorcycles
 - One-phase and three-phase electric meters (U of up to 380V, I of up to 100A), One-phase and three-phase electronic meters, Single-phase electronic meters (Degree of accuracy 1.0: normalized voltage (Un): 220 VAC, rated current (Ib):5A, 10A, 20A, 30A, 50A: maximum current (Imax): 20A, 40A, 60A, 80A, 100A, starting current (Ist)< 0.4%Ib; working frequency: 50Hz; meter constant: 1600 impulse/kwh),
 - Composite protection boxes of electricity meters,
 - Composite boxes of electricity meters
 - Testing apparatus for meter (12 – position single phase; 40 – position single phase)
 - Alarm-clocks
 - Wall clocks (Electrically operated)
 - Warning signs made of fluorescent reflection aluminium (For autos, motors, traffic signs)
 - Rubber sticks, Electric sticks of all kinds, Pepper spray (type of 500 ml, 2000 ml)
 - Cane or beet sugar and sucrose (chemically pure, in solid form), Raw sugar not

- containing added flavoring or coloring matter and Others
- Vinegar
- Table Salt
- Lime
- Pure copper ore (18-20% Cu)
- Monosodium glutamate
- Printing inks of all kinds (used to print identification)
- Newsprint, in rolls or sheets (Of a standard weight of 42-55 g/m²)
- Uncoated paper and paperboard, of a kind used for printing, writing or photocopying, card-making, punch tape paper or waxed base for manufacture of technical paper (Of a standard weight of 40-120 g/m². Excluding those under subheadings of: 4802.51.20, 4802.60.20, 4802.30.00, 4802.40.00, 4802.20.00)
- Paper shoe insoles (For lining shoes)
- Three-ply, five-ply cartons
- Cotton and polyester shoelaces
- Inners of vacuum flasks
- Electrostatic-painted steel protection boxes of electric meter (For electric grid works)
- Accessories of motorbike and bicycle
- Composite meter protection box (For electric grid works; type of 01 meter, single phase; type of 02 meters, single phase; type of 04 meters, single phase, type of 01 meter, 03 phases)
- HDPE plastic water tubes (Type of ϕ 20-110mm, with low heat-transfer coefficient, resisting sunlight, not be ionized under ultraviolet ray, resisting the low temperature of -40°C), PPR plastic water tubes (Type of ϕ 20-90mm, resisting high temperature and pressure, high durability, good bending resistance, not causing noise and vibration when water flow going pass)
- Plastic doors, Plastic doors with steel core produced from shaped uPVC bar (Manufactured synchronously from components such as shaped door frame, glassy box, and washer. Having sound insulating, heat insulating property and resisting high pressure; energy saving)
- Mirror glass (Of a thickness of between 1.5 - 18mm)
- Hot and cold showers (Type of 02 water-flows used for restroom), Cold bathroom showers (Type of 01 water-flow used for restroom), Hot and cold lavatory faucets (Type of 02 water-flows used for restroom), Cold faucets (Type of 01 water-flow used for restrooms), Cold tap to wash up dishes (Type of 02 water-flows used for kitchen room), Pond faucet (Type of 02 water-flows used for washing hands)
- Electric lamp of all kinds (Filament lamps of common type; Compact lamps of 2U, 3U, capacity of 5-20W; FHF Fluorescents, capacity of 32W, FLD Fluorescents, capacity of 18W and 36W)
- Paper-made packaging of software products
- Boxes and covers protecting objects carrying information
- Paper-made labels of electronic products

b) This Chapter covers only the services described in the United Nation Provisional Central Product Classification as follows:

CPC	Description
------------	--------------------

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

61120	Maintenance and repair services of motor vehicles (except for service involving engine overhaul)
612	Sale, maintenance and repair services of motorcycles and snowmobiles; sales of related parts and accessories (offer only the services involving maintenance and repair services of motor vehicles under CPC612)
87401	Disinfecting and exterminating services
87507	Restoration, copying and retouching services of photography
87501	Portrait photography services
51520	Water well drilling (except for installation and repair work of piping systems within buildings)

6. Ministry of Public Security

a) This Chapter covers only the goods described in the Harmonized System Code (HS) issued together with Circular no.156/2011/TT-BTC dated November 24th, 2011 as follows:

HS	Description
30	Pharmaceutical products
34.02	Organic surface-active agents (other than soap); surface-active preparations, washing preparations (including auxiliary washing preparations) and cleaning preparations, whether or not containing soap, other than those of heading 34.01.
3402.19.10	Of a kind suitable for use in fire-extinguishing preparations
3813.00.00	Preparations and charges for fire-extinguishers; charged fire-extinguishing grenades.
39.26	Other articles of plastics and articles of other materials of headings 39.01 to 39.14.
3926.20.60	Articles of apparel used for protection from chemical substances, radiation or fire
3926.90.42	Protective masks for use in welding and similar work
3926.90.44	Life saving cushions for the protection of persons falling from heights
3926.90.49	Other
59.07	Textile fabrics otherwise impregnated, coated or covered; painted canvas being theatrical scenery, studio back-cloths or the like.
5907.00.30	Fabrics impregnated, coated or covered with fire resistant substances
59.09	Textile hosepiping and similar textile tubing, with or without lining, armour or accessories of other materials.
5909.00.10	Fire hoses
61.13	Garments, made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07.
61.16	Gloves, mittens and mitts, knitted or crocheted.
6116.10.10	Other
62.10	Garments, made up of fabrics of heading 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 or 59.07.
6210.10	Of fabrics of heading 56.02 or 56.03
6210.10.11	Garments used for protection from chemical substances, radiation or fire
6210.20.20	Garments used for protection from fire
6210.20.30	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.30.20	Garments used for protection from fire

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

- 6210.30.30 Garments used for protection from chemical substances or radiation
- 6210.40.10 Garments used for protection from fire
- 6210.40.20 Garments used for protection from chemical substances or radiation
- 6210.50.10 Garments used for protection from fire
- 6210.50.20 Garments used for protection from chemical substances or radiation
- 64.01 Waterproof footwear with outer soles and uppers of rubber or of plastics, the uppers of which are neither fixed to the sole nor assembled by stitching, riveting, nailing, screwing, plugging or similar processes.
- 65.06 Other headgear, whether or not lined or trimmed.
- 6506.10.20 Industrial safety helmets and firefighters' helmets, excluding steel helmets
- 82.01 Hand tools, the following: spades, shovels, mattocks, picks, hoes, forks and rakes; axes, bill hooks and similar hewing tools; secateurs and pruners of any kind; scythes, sickles, hay knives, hedge shears, timber wedges and other tools of a kind used in agriculture, horticulture or forestry.
- 82.02 Hand saws; blades for saws of all kinds (including slitting, slotting or toothless saw blades).
- 82.03 Files, rasps, pliers (including cutting pliers), pincers, tweezers, metal cutting shears, pipe-cutters, bolt croppers, perforating punches and similar hand tools.
- 84.24 Mechanical appliances (whether or not hand-operated) for projecting, dispersing or spraying liquids or powders; fire extinguishers, whether or not charged; spray guns and similar appliances; steam or sand blasting machines and similar jet projecting machines.
- 8424.10 Fire extinguishers, whether or not charged
- 85.01 Electric motors and generators (excluding generating sets).
- 85.03 Parts suitable for use solely or principally with the machines of heading 85.01 or 85.02.
- 85.19 Sound recording or reproducing apparatus.
- 85.22 Parts and accessories suitable for use solely or principally with the apparatus of heading 85.19 or 85.21.
- 85.25 Transmission apparatus for radio-broadcasting or television, whether or not incorporating reception apparatus or sound recording or reproducing apparatus; television cameras, digital cameras and video camera recorders.
- 85.26 Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus.
- 85.37 Boards, panels, consoles, desks, cabinets and other bases, equipped with two or more apparatus of heading 85.35 or 85.36, for electric control or the distribution of electricity, including those incorporating instruments or apparatus of Chapter 90, and numerical control apparatus, other than switching apparatus of heading 85.17.
- 87.05 Special purpose motor vehicles, other than those principally designed for the transport of persons or goods (for example, breakdown lorries, crane lorries, fire fighting vehicles, concrete-mixer lorries, road sweeper lorries, spraying lorries, mobile workshops, mobile radiological units).
- 8705.10.00 Crane lorries
- 8705.20.00 Mobile drilling derricks

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

- 8705.90.50 Street cleaning vehicles; cesspool emptiers; mobile clinics; spraying lorries of all kinds
- 89.05 Light-vessels, fire-floats, dredgers, floating cranes and other vessels the navigability of which is subsidiary to their main function; floating docks; floating or submersible drilling or production platforms.
- 89.06 Other vessels, including warships and lifeboats other than rowing boats.
- 8908.00.00 Vessels and other floating structures for breaking up.
- 90.18 Instruments and appliances used in medical, surgical, dental or veterinary sciences, including scintigraphic apparatus, other electro-medical apparatus and sight-testing instruments.
- 90.19 Mechano-therapy appliances; massage apparatus; psychological aptitude-testing apparatus; ozone therapy, oxygen therapy, aerosol therapy, artificial respiration or other therapeutic respiration apparatus.
- 9020.00.00 Other breathing appliances and gas masks, excluding protective masks having neither mechanical parts nor replaceable filters.
- 90.21 Orthopaedic appliances, including crutches, surgical belts and trusses; splints and other fracture appliances; artificial parts of the body; hearing aids and other appliances which are worn or carried, or implanted in the body, to compensate for a defect or disability.
- 90.22 Apparatus based on the use of X-rays or of alpha, beta or gamma radiations, whether or not for medical, surgical, dental or veterinary uses, including radiography or radiotherapy apparatus, X-ray tubes and other X-ray generators, high tension generators, control panels and desks, screens, examination or treatment tables, chairs and the like.

b) This Chapter does not cover services or construction services procured by the Ministry of Public Security;

c) The extent and composition of coverage of pharmaceuticals by the Ministry, and the rights accorded to the foreign invested pharmaceutical enterprises, will follow the same formula as that employed by the Ministry of Health for its covered procurement of pharmaceuticals, laid out in the notes in Section D (Goods).

**SECTION B:
Sub-Central level of Government Entities**

None

SECTION C:
Other covered entities

This Chapter applies to the entities listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Goods and Services:

- From the date of entry into force of this Agreement for Vietnam to the end of the 5th year after entry into force: SDR 3,000,000
- From the 6th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 2,000,000

Construction:

- From the date of entry into force of this Agreement for Vietnam to the end of the 5th year after entry into force: SDR 65,200,000
- From the 6th year to the end of 10th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 55,000,000
- From the 11th year to the end of 15th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 40,000,000
- From the 16th year to the end of 20th year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 25,000,000
- From the 21st year after entry into force of this Agreement for Vietnam: SDR 15,000,000

List of Entities:

1. Thông tấn xã Việt Nam (Vietnam News Agency)

Ban Tổ chức cán bộ (Personnel and Organization Board)

Ban Kiểm tra (Board of Inspection)

Ban Thư ký biên tập (Editor Board)

Ban Kế hoạch – Tài chính (Board of Planning and Finance)

Ban Biên tập tin đối ngoại (Board of News for Foreign Service)

Ban Biên tập tin trong nước (Board of Domestic News)

Ban Biên tập tin kinh tế (Board of Economic News)

Ban Biên tập tin thế giới (Board of World News)

Trung tâm thông tin tư liệu (Database-Documentation Center)

Trung tâm tin học (Informatics Centre)

Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn (Vietnam News Agency Professional Training Centre)

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam (Representative Office in the South)

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên (Representative Office in the Centre -Tay Nguyen)

Ban Biên tập ảnh (Pictorial Editorial Board)

Văn phòng Thông tấn xã (The Administrative Affair Office)

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh National Academy of Politics)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Quản lý khoa học (Department of Scientific Management)

Ban Thanh tra (Board of Inspection)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International cooperation)

Vụ Quản lý đào tạo (Department of Training Management)

Vụ Các trường chính trị (Department of Provincial Political Schools)

Viện Quan hệ quốc tế (Institute of International Relations)

Viện Nhà nước và Pháp luật (Institute of State and Law)

Viện Triết học (Institute of Philosophy)

Viện Chính trị học (Institute of Political Sciences)

Viện Văn hóa và Phát triển (Institute of Culture and Development)

Viện Nghiên cứu quyền con người (Institute of Human Right Studies)

Viện Kinh tế (Institute of Economics)

Tạp chí Lý luận chính trị (Journal of Political Theory)

Viện Lịch sử Đảng (Institute of the CPV History)

Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng (Institute of Ho Chi Minh and the CPV's Leaders' Studies)

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (Institute of Scientific Socialism)

Viện Xã hội học (Institute of Sociology)

Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)

3. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Vietnam Academy of Social Sciences)

Nhà xuất bản Khoa học xã hội (Social Sciences Publishing House)

Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á (Institute of Indian and Southwest Asian Studies)

Trung tâm Phân tích và Dự báo (The Centre for Analysis and Forecast)

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (Vietnam Social Sciences Review)

Viện Nghiên cứu con người (Institute of Human Studies)

Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Institute for Religious Studies)

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (Vietnam Institute for Northeast Asian Studies)

Viện Nghiên cứu Châu Mỹ (Vietnam Institute of American Studies)

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (Vietnam Museum of Ethnology)

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông (Institute of African and Middle East Studies)

Viện Nghiên cứu Trung Quốc (Vietnam Institute of Chinese Studies)

Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin (Center for Information Technology)

Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên (Institute of Sustainable Development of the Central Region)

Viện Nghiên cứu Văn hóa (Institute of Cultural Studies)

Viện Sử học (Institute of History)

Viện Nhà nước và Pháp luật (Institute of State and Law)
Viện Dân tộc học (Institute of Anthropology)
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (Institute for Southeast Asian Studies)
Viện Triết học (Institute of Philosophy)
Viện Xã hội học (Institute of Sociology)
Viện Nghiên cứu Châu Âu (Institute for European Studies)
Viện Tâm lý học (Institute of Psychology)
Viện Văn học (Vietnam Institute of Literature)
Viện Kinh tế Việt Nam (Vietnam Institute of Economics)
Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia)
Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (Institute of World Economics and Politics)
Viện Nghiên cứu Hán – Nôm (Institute of Han - Nom Studies)
Học viện Khoa học xã hội (Graduate Academy of Social Sciences)
Viện Khảo cổ học (Institute of Archaeology)
Viện Thông tin Khoa học xã hội (Institute of Social Sciences Information)
Ban Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Ban Kế hoạch – Tài chính (Department of Finance and Planning)
Ban Quản lý Khoa học (Department of Science Management)
Ban Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Văn phòng (Head Office)

4. Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam (Vietnam Academy of Science and Technology (VAST))

Viện Toán học (Institute of Mathematics)
Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ (Publishing House for Science and Technology)
Viện Vật lý Ứng dụng và Thiết bị khoa học (Institute of Applied Physics and Scientific Instruments)
Viện Cơ học và Tin học ứng dụng (Institute of Applied Informatics and Mechanics)
Viện Công nghệ hóa học (Institute of Chemical Technology)
Viện Khoa học vật liệu ứng dụng (Institute of Applied Materials Science)
Viện Sinh học nhiệt đới (Institute of Tropical Biology)
Viện Khoa học năng lượng (Institute of Energy Science)
Văn phòng VAST, bao gồm văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Administration Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)
Viện Công nghệ thông tin (Institute of Information Technology)
Viện Cơ học (Institute of Mechanics)
Viện Vật lý địa cầu (Institute of Geophysics)
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Institute of Ecology and Biological Resources)
Viện Tài nguyên và Môi trường biển (Institute of Marine Environment and Resources)
Viện Sinh học Tây Nguyên (Tay Nguyen Institute of Biology)

Viện Hải dương học (Institute of Oceanography)

Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang (Nha Trang Institute of Technology Research and Application)

Viện Vật lý (Institute of Physics)

Viện Địa chất và Địa vật lý biển (Institute of Marine Geology and Geophysics)

Viện Công nghệ môi trường (Institute of Environmental Technology)

Viện Khoa học vật liệu (Institute of Materials Science)

Viện Hóa học (Institute of Chemistry)

Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên (Institute of Natural Products Chemistry)

Viện Công nghệ sinh học (Institute of Biotechnology)

Viện Địa lý (Institute of Geography)

Viện Địa chất (Institute of Geological Sciences)

Viện Kỹ thuật nhiệt đới (Institute of Tropical Technology)

Viện Công nghệ vũ trụ (Space Technology Institute)

Trung tâm tin học và Tính toán (Center for Information Infrastructure Development)

Viện Hóa sinh biển (Institute of Marine Biochemistry)

5. **Bệnh viện Bạch Mai (Bach Mai Hospital)**
6. **Bệnh viện Chợ Rẫy (Cho Ray Hospital)**
7. **Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế (Hue Central Hospital)**
8. **Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên (Thai Nguyen National General Hospital)**
9. **Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ (Can Tho National Hospital)**
10. **Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (Quang Nam Central General Hospital)**
11. **Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí (Uong Bi Viet Nam – Sweden Hospital)**
12. **Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (Vietnam – Cuba Donghoi Friendship Hospital)**
13. **Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức (Viet Duc Hospital)**
14. **Bệnh viện E (E Hospital)**
15. **Bệnh viện Hữu nghị (Friendship Hospital)**
16. **Bệnh viện Thống Nhất (Thong Nhat Hospital/ Unified Hospital)**
17. **Bệnh viện C Đà Nẵng (C Hospital)**
18. **Bệnh viện K (K Hospital)**
19. **Bệnh viện Nhi Trung ương (Vietnam National Hospital of Pediatrics)**
20. **Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương (National Hospital of Obstetrics and Gynecology)**
21. **Bệnh viện Mắt Trung ương (The Vietnam National Institute of Ophthalmology)**
22. **Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương (Hospital of Ear - Nose - Throat)**
23. **Bệnh viện Nội tiết Trung ương (National Hospital of Endocrinology)**
24. **Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội (National Hospital of Odonto - Stomatology)**

25. **Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Hospital of Odonto - Stomatology)**
26. **Bệnh viện 71 Trung ương (Central 71 Hospital)**
27. **Bệnh viện 74 Trung ương (Central 74 Hospital)**
28. **Bệnh viện Phổi Trung ương (National Hospital of Lung Diseases)**
29. **Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1 (National Psychiatric Hospital no.1)**
30. **Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 (National Metal Hospital 2)**
31. **Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa (Quyhoa National Leprosy Dermatology Hospital)**
32. **Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập (Quynh Lap National Leprosy Dermatology Hospital)**
33. **Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương (Hospital of Nursing - Rehabilitation)**
34. **Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (National Hospital of Tropical Diseases)**
35. **Bệnh viện Da liễu Trung ương (National Hospital of Dermatology and Venereology)**
36. **Bệnh viện Lão khoa Trung ương (Hospital of Geriatric)**
37. **Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương (National Hospital of Traditional Medicine)**
38. **Bệnh viện Châm cứu Trung ương (National Hospital of Acupuncture)**

Notes to Section C:

1. For greater certainty, for Vietnam News Agency, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Vietnam Academy for Social Sciences, Vietnam Academy for Science and Technology, this Chapter shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate to the relevant procuring entities.
2. Ho Chi Minh National Academy of Politics: This Chapter shall not apply to procurement of restoration services of Ho Chi Minh National Academy of Politics.
3. Vietnam News Agency: This Chapter shall not apply to any procurement in relation to news and documentary production of Vietnam News Agency.
4. National Hospitals: For 34 national hospitals, for the purpose of determining whether a pharmaceutical procurement equals or exceeds the Section C goods threshold, the relevant contract will be the consolidated pharmaceutical contract which lasts at least 1 year for each hospital, or the centralised contract conducted by the Ministry of Health on behalf of them. Should a hospital procure in contracts which last a shorter period, the applicable threshold shall be 500,000 SDR. Should a procurement contract concern a single pharmaceutical product, the applicable threshold shall be 180,000 SDR.
5. Vietnam does not offer the coverage of Section C to Mexico.

**SECTION D:
Goods**

This Chapter covers the procurement of all goods procured by the entities listed in Section A through C, subject to the Notes to the respective Sections and the General Notes, except for goods indicated in the lists below:

HS	Description
10.06	Rice
27.09	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, crude.
27.10	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, other than crude; preparations not elsewhere specified or included, containing by weight 70% or more of petroleum oils or of oils obtained from bituminous minerals, these oils being the basic constituents of the preparations; waste oils.
49.01	Printed books, brochures, leaflets and similar printed matter, whether or not in single sheets
49.02	Newspapers, journals and periodicals, whether or not illustrated or containing advertising material
49.05	Maps and hydrographic or similar charts of all kinds, including atlases, wall maps, topographical plans and globes, printed
49.07	Unused postage, revenue or similar stamps of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value; stamp-impressed paper; banknotes; cheque forms; stock, share or bond certificates and similar documents of title.
8517.61	Base stations
8525.50	Transmission apparatus
8525.60	Transmission apparatus incorporating reception apparatus
85.26	Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus.
8527.13	Other apparatus combined with sound recording or reproducing apparatus
8527.19	Reception apparatus capable of planning, managing and monitoring the electromagnetic spectrum Recorded discs, tapes, solid-state non-volatile storage devices, “smart cards” and other media for the recording of sound or of other phenomena.

Note to Section D:

For pharmaceutical products, the following notes apply:

(1) For each calendar year following the date of entry into force of this Agreement for Vietnam, Vietnam may set aside from the obligations of this Chapter the respective percentage of contract value of pharmaceutical products as follows:

Year	1 st -3 rd	4 th – 10 th	11 th – 15 th	16 th onward
Percentage of contract value	100	65	60	50

(2) With respect to the share of pharmaceutical procurement subject to commitments under this Chapter, its composition will be composed of the following categories in sequential order:

Subject to Legal Review in English, Spanish and French for Accuracy, Clarity and Consistency
Subject to Authentication of English, Spanish and French Versions

- a) All innovative (patented) pharmaceuticals; then
- b) All Category 1 generics (under the classification system of Vietnam's Ministry of Health); then
- c) All Category 2 generics; then
- d) All Category 3 generics; then
- e) All Category 4 generics; then
- f) Category 5 generics;

until the share of the annual procurement that is covered for that year is reached.

(3) TPP suppliers of pharmaceuticals, including foreign invested enterprises, to covered entities shall have the right to participate directly in tenders.

(4) This Chapter does not cover procurement of distribution services of pharmaceutical products that form a procurement contract or form a part of, or are incidental to, a procurement contract. In case these services form a part of, or are incidental to, a procurement contract, the successful supplier of that procurement, including foreign invested enterprises, shall have the right to choose any licensed pharmaceutical distributor(s) in Vietnam to deliver pharmaceutical products to covered entities, including their existing distributor(s).

SECTION E:
Services

The following services, as elaborated in the Provisional Central Product Classification, are offered (others being excluded):

CPC code	Description
61	Sale, maintenance and repair services of motor vehicles and motorcycles
64	Hotel and restaurant services
75231	Data network services
75232	Electronic message and information services
84	Computer and related services
862	Accounting, auditing and book-keeping services
863	Taxation services
864	Market research and public opinion polls
872	Placement and supply services of personnel
874	Building-cleaning services
87501	Portrait photography services
87503	Action photography services
87504	Specialty photography services
87505	Photography processing services
87506	Motion picture processing services to the motion picture and television industries
87507	Restoration, copying and retouching services of photography
87509	Other photographic services
876	Packaging services
87903	Telephone answering services
87904	Duplicating services
87905	Translation and interpretation services
87906	Mailing list compilation and mailing services
94	Sewage and refuse disposal, sanitation and other environmental protection services (except for refuse collection in the offices of covered entities)
97	Other services (except for Codes: 97030 – Funeral, cremation and undertaking services and 97090 – Other services n.e.c.)
980	Private households with employed persons
99	Services provided by extraterritorial organizations and bodies

Note to Section E:

1. This Chapter shall not apply to:
 - a. any procurement of public utilities services;
 - b. any procurement of services associated with the management and operation of government facilities and all privately owned facilities used for government purposes;
2. For CPC 75231, 75232, 84, commitments under this Chapter are available to a TPP supplier who is, in case the procurement applies to enterprises, established and operates in Vietnam under Vietnamese laws, or in case the procurement applies to an individual, an individual bearing Vietnamese nationality.

**SECTION F:
Construction Works**

This Chapter covers all construction services procured by the entities listed in Section A and Section C listed in Division 51 of the Provisional Central Product Classification (CPC), except for the construction services excluded in the Schedule of the Party, subject to the Notes to the respective Sections, the General Notes, and the Notes to this Section.

Notes to Section F:

This Chapter shall not cover the procurement of:

1. Dredging services;
2. Construction in remote, mountainous and extremely difficult areas as stipulated in Vietnam's regulations and on islands located beyond Vietnam's territorial sea;
3. Construction of ministerial level headquarters.

SECTION G:
General Notes

I. This Chapter shall not apply to:

1. build-operate-transfer contract and public works concession contract;
2. any procurement for the purposes of developing, protecting or preserving national treasures of artistic, historic, archaeological value or cultural heritage;
3. procurement of any goods and related services involving national reserves stipulated in the Law on National Reserves and any amendments thereof;
4. any procurement involving any form of preference to benefit small and medium enterprises;
5. measures for the health, welfare and the economic and social advancement of ethnic minorities;
6. procurement funded by grants and sponsorship payments from persons not listed in this Annex;
7. any procurement of goods and services inside the territory of Vietnam, for the consumption outside the territory of Vietnam;
8. any procurement of goods and services involving national celebrations and religious purposes;
9. transportation services that form a part of, or are incidental to, a procurement contract;
10. any procurement by a procuring entity from another government entity.

II. For greater certainty

1. Limited tendering shall apply also to bomb and mine sweeping for land clearance.
2. This Chapter does not apply to any procurement made by a covered entity on behalf of a non-covered entity.
3. Provided that it complies with Article 15.4, Vietnam may adopt measures that discriminate in favour of suppliers of any Party offering the goods or services of any Party against those suppliers offering goods or services from non Parties.
4. Any exclusion that is related either specifically or generally to a procuring entity will also apply to any successor entity in such a manner as to maintain the value of this offer.
5. Services covered by this Chapter are subject to exclusions from and reservations to the Chapters on Cross-Border Trade in Services, Investment and Financial Services.
6. Nothing in this Chapter shall be construed to prevent Vietnam from adopting or maintaining any measure that it considers necessary for the protection of essential security interests, including national secrets, as defined in Vietnam's laws and regulations.
7. This market access offer shall only apply to TPP's initial members, namely Australia, Brunei, Canada, Chile, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore and The United States.

SECTION H
Threshold Adjustment Formula

1. The thresholds shall be adjusted at two-year intervals with each adjustment taking effect on January 1, beginning on January 1, XX.
2. Every two years, Vietnam shall calculate and publish the value of the thresholds under this Chapter expressed in Vietnam Dong. These calculations shall be based on the conversion rates published by the International Monetary Fund in its monthly “International Financial Statistics”.
3. The conversion rates shall be the average of the daily values of the Vietnam Dong in terms of the Special Drawing Rights (SDR) over the two-year period preceding October 1 of the year before the adjusted thresholds are to take effect.
4. Vietnam shall notify the other Parties of the current thresholds in Vietnam Dong immediately after this Agreement enters into force for Vietnam, and the adjusted thresholds in Vietnam Dong thereafter in a timely manner.
5. Vietnam shall consult if a major change in Vietnam Dong relative to the SDR or to the national currency of another Party were to create a significant problem with regard to the application of the Chapter

SECTION I
Procurement Information

Notice of Intended Procurement is published in *Báo Đấu thầu* (Vietnam Public Procurement Newspaper) .

Vietnam shall provide the address of website to publish procurement information after transitional period.

SECTION J
Transitional Measures

1. Article 15.7.2 (Notices of Intended Procurement): Notwithstanding the requirement in Article 15.7.2, where notices of intended procurement are accessible by electronic means, they must be provided free of charge, Vietnam may charge a fee for access to its notices of intended procurement, when these notices are accessible by electronic means, until Vietnam's e-procurement system is operational and Vietnam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system, provided that it complies with Article 15.4 (National Treatment and Non-Discrimination). During this transitional period, Vietnam will periodically inform the parties of the status of the development and implementation of its e-procurement system.

2. Article 15.7.3(g) and (h) (Notices of Intended Procurement): Notwithstanding the requirements in Article 15.7.3(g) and (h) that a notice of intended procurement include a list and a brief description of any conditions for participation of suppliers and limitations on the number of qualified supplier to be invited to tender, Vietnam may omit such information from its notices of intended procurement, until Vietnam's e-procurement system is operational and Vietnam has issued a legal measure requiring all of its section A procuring entities to use the e-procurement system. During this transitional period, Vietnam shall provide such information in its tender documentation, provided that it complies with Article 15.4 (National Treatment and Non-Discrimination).

3. Article 15.14.3 (Time Periods): Notwithstanding the requirement in Article 15.14.3 that a procuring entity provide 40 days for the final date for submission of tenders, Vietnam may establish a final date for submission of tenders that is not less than 25 days from the date on which:

- (a) in the case of open tendering, the notice of intended procurement is published;
or
- (b) in the case of selective tendering, the entity notifies the suppliers that they will be invited to submit tenders;

until Vietnam's e-procurement system is operational and Vietnam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system, or seven years after entry into force of this Agreement for Vietnam, whichever is earlier, provided that it complies with Article 15.4 (National Treatment and Non-Discrimination).

Upon request by Vietnam, the Parties will give favourable consideration to the extension of the transitional period for up to a maximum of an additional three years period provided that Vietnam has demonstrated concrete steps during the implementation period to comply with Article 15.14.3.

4. Article 15.16 (Post Award Information): Notwithstanding the requirements in Article 15.16.3(f) that the post-award notice include a brief description of the circumstances justifying the use of a limited tendering procedure, Vietnam may omit such information from post-award notices until Vietnam's e-procurement system is operational and Vietnam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system. During this period, Vietnam shall provide such information to a Party on request.

5. Article 15.19 (Domestic Review): Notwithstanding Article 15.19, Vietnam may delay application of its obligations under Article 15.19 (Domestic Review) for three years after entry into force of this Agreement for Vietnam. During this period, Vietnam shall allow suppliers of any Party to take complaints about the conduct of a covered procurement to the procuring entity, in accordance with the Public Procurement Law, provided that it complies with Article 15.4 (National Treatment and Non-Discrimination).

6. Notwithstanding Chapter 28 (Dispute Settlement), Vietnam shall not be subject to dispute settlement with respect to its obligations under Chapter 15 (Government Procurement) for five years from the date of entry into force of this Agreement for Vietnam. During this transitional period, Vietnam shall enter into consultations with any Party that raises concerns with the implementation of its obligations.

Offset

Notwithstanding Article 15.4.6 (Offset), Vietnam is allowed to seek, take account of, impose or enforce any form of offsets at any stage of a procurement as follows:

1. Upon the entry into force of this Agreement for Vietnam, Vietnam may request offsets in any form, including a price preference program, on up to 40 per cent of the annual value of total covered procurement, decreasing after ten years to on up to 30 per cent of the annual value of total covered procurement, until the end of 25th year. The offset program shall be eliminated from the beginning of the 26th year after the entry into force of this Agreement for Vietnam.
2. For greater certainty, paragraph 1 does not limit the amount of offsets that Vietnam may request on a contract that falls within the annual percentage of total covered procurement subject to offsets as indicated above.